

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI BÌNH VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI BÌNH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THAI BINH VIET NAM TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THAI BINH VIET NAM TRADING.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108287238

3. Ngày thành lập: 22/05/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

DV10 – LK477, Khu đất dịch vụ Đào Đất, Hàng Bè, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984 892 186

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
2.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
3.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
4.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
5.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh; Bán lẻ đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác; Bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh như chổi, bàn chải, giẻ lau...; Bán lẻ hàng hóa phi lương thực thực phẩm chưa được phân vào nhóm nào.	4773
7.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791
8.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức: bán trực tiếp; chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động	4799
9.	Vận tải bằng xe buýt	4920
10.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng taxi;	4931
11.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác.	4932
12.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
13.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022

14.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan); - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác	5210
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
16.	Bốc xếp hàng hóa	5224
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý bán vé máy bay; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá;	5229
18.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
19.	Cơ sở lưu trú khác	5590
20.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
21.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
22.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
23.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
24.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; (Điều 62 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014) - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Điều 74 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014) - Dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 75 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014)	6820
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Theo Điều 28 Luật Thương mại 2005)	8299
26.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
27.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
28.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
29.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
30.	Phá dỡ	4311

31.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
32.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
33.	Trồng lúa	0111
34.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
35.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
36.	Trồng cây mía	0114
37.	Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào	0115
38.	Trồng cây lấy sợi	0116
39.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
40.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
41.	Trồng cây hàng năm khác	0119
42.	Trồng cây ăn quả	0121
43.	Trồng cây điều	0123
44.	Trồng cây hồ tiêu	0124
45.	Trồng cây cao su	0125
46.	Trồng cây cà phê	0126
47.	Trồng cây chè	0127
48.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
49.	Trồng cây lâu năm khác	0129
50.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
51.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
52.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
53.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
54.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
55.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
56.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
57.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
58.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
59.	Chăn nuôi lợn	0145
60.	Chăn nuôi gia cầm	0146
61.	Chăn nuôi khác	0149
62.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
63.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
64.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
65.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
66.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
67.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210

68.	Khai thác gỗ	0221
69.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
70.	Thu nhập sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
71.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
72.	Khai thác thủy sản biển	0311
73.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
74.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
75.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
76.	Sản xuất giống thủy sản	0323
77.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
78.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
79.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
80.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
81.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
82.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
83.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
84.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
85.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
86.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
87.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
88.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu - Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạc và mù tạc; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: bánh sandwich, bánh pizza. - Sản xuất các loại trà được thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng;	1079
89.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
90.	Sao chép bản ghi các loại	1820
91.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
92.	Xây dựng nhà các loại	4100
93.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210

94.	Xây dựng công trình công ích	4220
95.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
96.	Bán buôn gạo	4631
97.	Bán buôn thực phẩm	4632
98.	Bán buôn đồ uống	4633
99.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
100.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
101.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
102.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
103.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
104.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
105.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn quặng kim loại; - Bán buôn sắt, thép; - Bán buôn kim loại khác; - Bán buôn bạc và kim loại quý khác (trừ kinh doanh vàng)	4662
106.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
107.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su	4669
108.	Bán buôn tổng hợp	4690
109.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
110.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị	4719
111.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
112.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722(Chính)
113.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
114.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
115.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
116.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
117.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
118.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

119.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
------	---	------

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM THỊ CHIỀU	P2330 CT10 KĐT Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	75.000	750.000.000	25,000	034184000131	
			Tổng số	75.000	750.000.000	25,000		
2	LẠI HUY LĂNG	P2330 CT10 KĐT Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	210.000	2.100.000.000	70,000	034084000100	
			Tổng số	210.000	2.100.000.000	70,000		
3	PHẠM THỊ HOÀI	Xóm 2, Xã Thụy Hưng, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	5,000	151873073	
			Tổng số	15.000	150.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LẠI HUY LĂNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/05/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034084000100

Ngày cấp: 02/06/2014

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P2330 CT10 KĐT Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: DV10 – LK477, Khu đất dịch vụ Đào Đất, Hàng Bè, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội